

Hải Phòng, ngày tháng 05 năm 2021

Số: /QC-BKS-HNP

QUY CHẾ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Nghị quyết số ...ngày 12/05/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng;

PHẦN I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng.

2. Quy chế này áp dụng cho mọi hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát để đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực và kịp thời mọi hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động

1. Ban kiểm soát hoạt động độc lập theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng để thay mặt cổ đông thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty.

2. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, các kiểm soát viên chịu trách nhiệm về phần việc của mình trước Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động của Ban kiểm soát phải đảm bảo thực hiện tuân thủ các quy định tại Luật doanh

nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các quy chế, quy định nội bộ khác của Công ty.

3. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế.

5. Minh bạch hóa các quan hệ, công khai hóa các lợi ích.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

- Công ty: Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng

- Điều lệ Công ty: Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng

- HĐQT : Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng

- Ban kiểm soát : Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng

PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4: Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp (khoản 2 Điều 17);

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác tại Công ty;

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6: Bãi nhiệm, miễn nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải gửi đơn đến ĐHĐCĐ kỳ họp gần nhất quyết định.

2. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban phải gửi đơn từ chức cho Ban kiểm soát để bầu người khác thay thế và thông báo cho Hội đồng quản trị biết.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Các trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.

4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Khi cần thiết Ban kiểm soát có thể yêu cầu Hội đồng quản trị phê duyệt trung dụng nhân viên của Công ty làm nhiệm vụ kiểm soát, kiểm tra trong một thời gian nhất định, hoặc có thể thuê các Công ty tư vấn, kiểm toán độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 8: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HĐQT.

3. Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

5. Thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, đơn vị phụ thuộc phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của

Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 9: Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên chuyên trách được trả tiền lương, tiền thưởng. Kiểm soát viên không chuyên trách được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

Điều 10: Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

1. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban kiểm soát.

2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan cho Ban kiểm soát.

3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

Điều 11: Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm soát viên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.

3. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát, tham gia góp ý kiến và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.

Điều 12: Chương trình hoạt động và các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng kiểm soát viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là ba (03) người. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Ban kiểm soát, lập chương trình họp,

thời gian, địa điểm họp gửi đến các kiểm soát viên ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến họp.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được ghi thành biên bản và có thể được ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài; trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa 02 biên bản thì nội dung biên bản bằng Tiếng Việt được áp dụng.

3. Các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được thông qua bằng phương pháp biểu quyết theo đa số quá bán. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

4. Người ghi biên bản và các kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 13: Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Báo cáo thẩm định về kết quả kinh doanh, tài chính của Công ty; về kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.

3. Các báo cáo của Ban kiểm soát tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải đảm bảo có các nội dung sau:

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;

Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

Điều 14: Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. Quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát:

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các Kiểm soát viên.

2. Quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

3. Quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

PHẦN III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15: Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, Quy chế này sẽ được xem xét sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 16: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 17 điều được Đại hội đồng cổ đông thông Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng thống nhất thông qua ngàythángnăm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 17: Trách nhiệm thi hành

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban, Phân xưởng trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quy chế./.

Nơi nhận:

- HĐQT
- Ban điều hành
- TV BKS
- Lưu TH, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Nguyễn Thị Hồng Nhung